TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi và ông Vũ Lương Trung Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hà Quốc Cường - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị H trong đơn khởi kiện và B tự khai khai trình bày: Chị và anh Hoàng Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã Đ, huyện V một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện anh chị đã sống ly thân từ ngày 16/11/2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Lê Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Hoàng Xuân Q.

- Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q có 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh D, sinh ngày 02/11/2006 và cháu Hoàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/8/2014, cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị Lê Thị H đồng ý để anh Hoàng Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Tuyết N, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Xuân Q trong bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày:

Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Lê Thị H trình bày là đúng. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, xã Đ, huyện V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Anh Q đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà, gần đây anh Q có phát hiện chị H có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, anh Q và gia đình đã khuyên bảo chị H nhưng chị H không đồng ý, sau đó chị H cương quyết nộp đơn ra Tòa án. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị Lê Thị H làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, anh muốn hai vợ chồng trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Như chị H trình bày là đúng. Cháu D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chị H cương quyết ly hôn anh Q có nguyện vọng nuôi cháu N và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07/02/2025 ông Hoàng Văn T - Trưởng thôn B, xã Đ, huyện V cho biết: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V năm 2005. Sau khi kết hôn chị H và anh Q chung sống tại thôn B, xã Đ, huyện V. Theo những gì ông Hoàng Văn T nghe nói là từ tháng 11/2022 đến nay chị Lê Thị H đã đi làm ăn xa không quan tâm gì tới anh Q nữa. Chị H và anh Q chưa hòa giải mẫu thuẫn vợ chồng tại thôn lần nào nên ông T không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Ông T có nghe anh Q kể lại là sau Tết chị H có quay về thăm con, hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện chị H đã đi làm xa thi thoảng mới về thăm con và không quan tâm gì đến anh Q nữa. Hiện tại anh Q đang đi làm thuê và trồng trọt chăn nuôi thêm ở nhà thu nhập từ 12 triệu đến 14 triệu đồng/1 tháng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Xuân Q.

+ Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q có 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh D, sinh ngày 02/11/2006 và cháu Hoàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/8/2014, cháu D đã trưởng thành. Ly hôn giao cháu Hoàng Thị Tuyết N cho anh Hoàng Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Xuân Q có đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Hoàng Xuân Q vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Lê Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị Lê Thị H trình bày vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị H xác định đã hết tình cảm với anh Q, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Anh Q trình bày hai vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, anh Q có đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà, gần đây anh Q phát hiện chị H có nhắn tin với người đàn ông khác, anh và gia đình có khuyên bảo nhưng chị H cương quyết nộp đơn ra Tòa án. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn hai vợ chồng trở về đoàn tụ. Tại biên bản xác mình với trưởng thôn B, xã Đ cho biết chị H hiện đã đi làm ăn xa từ tháng 12 năm 2022, Tết năm 2025 chị H về ăn Tết hai vợ chồng chị H và anh Q cũng đã tìm nhiều cách hàn

gắn nhưng không có kết quả, hiện nay chị H tiếp tục đi làm ăn xa không còn quan tâm gì tới anh Q nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Lê Thị H và chị Hoàng Xuân Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Lê Thị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q có 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh D, sinh ngày 02/11/2006 và cháu Hoàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/8/2014, cháu D đã trưởng thành. Cháu N có nguyện vọng ở với bố. Quá trình hòa giải chị H và anh Q đều thống nhất để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Hoàng Thị Tuyết N cho anh Hoàng Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo : Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Xuân Q

2. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q có 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh D, sinh ngày 02/11/2006 và cháu Hoàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/8/2014, cháu D đã trưởng thành. Giao cháu Hoàng Thị Tuyết N cho anh Hoàng Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2024/0000900 ngày 02/01/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Xuân Q được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự,người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Chi cục THADS huyện Văn Chấn;
- UBND xã Đại Lịch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long